ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 15 /2017/QĐ-UBND	*Sóc Trăng, ngày 22 tháng 3 năm 2017*

SỞ TƯ PHÁP TỈNH SÓC TRĂNG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 16/
Ngày 22 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng11 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách;

Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Đối tượng áp dụng: Áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân có hoạt động liên quan đến dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô từ loại 1 đến loại 4

TT	Số ghế của xe	Đơn vị tính	Xe hoạt động trên tuyến có cự ly dưới 100 km	Xe hoạt động trên tuyến có cự ly từ 100 km trở lên
1	Xe từ 10 - 15 ghế	đồng/chuyến-xe	**28.000**	**38.000**
2	Xe từ 16 - 25 ghế	đồng/chuyến-xe	**46.000**	**63.000**
3	Xe trên 25 - 30 ghế	đồng/chuyến-xe	**56.000**	**73.000**
4	Xe trên 30 - 34 ghế	đồng/chuyến-xe	**64.000**	**86.000**
5	Xe trên 34 - 42 ghế	đồng/chuyến-xe	**80.000**	**106.000**
6	Xe trên 42 - 46 ghế	đồng/chuyến-xe	**86.000**	**112.000**
7	Xe trên 46 - dưới 50 ghế	đồng/chuyến-xe	**90.000**	**120.000**
8	Xe từ 50 ghế trở lên	đồng/chuyến-xe	**95.000**	**129.000**

(Bến xe được phân loại theo tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2012 và Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải).

Điều 3. Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 04 năm 2017 và thay thế Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: TH, KT, KV, XD, NC, NV, QT, VT. (27b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thành Trí